

Số: 72 /CV-DLG

Gia Lai, ngày 14 tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Mã chứng khoán: DLG
Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366
Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố điều chỉnh một số nội dung trong tài liệu trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

| STT | Tại | Trước khi chỉnh sửa (đã đăng web ngày 28/5/2021) | Sau khi chỉnh sửa (cập nhật ngày 14/6/2021) |
|-----|--|--|--|
| 1 | Trang 1, Phụ lục số 01 Tờ trình 01/TTr-ĐHĐCĐ2021 | Mục Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ: a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; | Mục Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ: a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này; |
| 2 | Mục b Khoản 1 tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐ2021 | b. Nay đổi tên: - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long - Tên tiếng Anh: Duc Long Group JSC - Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long - Tên viết tắt: DL Group | b. Nay đổi tên: - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long - Tên tiếng Anh: Duc Long Group JSC - Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long - Tên viết tắt: Đức Long Group |
| 3 | Nội dung số 1 của Phiếu biểu quyết | Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, chiến lược kinh doanh của Tập đoàn năm 2021 | Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn các năm 2021-2023 và chiến lược 10 năm 2021-2030 |

| STT | Tại | Trước khi chỉnh sửa (đã đăng web ngày 28/5/2021) | Sau khi chỉnh sửa (cập nhật ngày 14/6/2021) |
|-----|--|--|--|
| 4 | Mục b Khoản 8.1 Điều 8 Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 | Điều 8. Thông qua thay đổi tên Công ty như sau: b. Nay đổi tên: - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long - Tên tiếng Anh: Duc Long Group JSC - Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long - Tên viết tắt: DL Group | Điều 8. Thông qua thay đổi tên Công ty như sau: b. Nay đổi tên: - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long - Tên tiếng Anh: Duc Long Group JSC - Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long - Tên viết tắt: Đức Long Group |

Những nội dung khác trong Hồ sơ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty đã công bố ngày 28/5/2021 không thay đổi.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/6/2021 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://www.duclonggroup.com.vn/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Hồ sơ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sau khi bổ sung các nội dung theo công văn 72/CV-DLG ngày 14/6/2021.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN CAO CHÂU

Phụ lục số 01:

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Tô trình số 01/TT-ĐHDCĐ2021, ngày 19 tháng 6 năm 2021)



| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|--|
| 1. | Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 1 | <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(Không có)</p> <p>(Không có)</p> <p>(Không có)</p> <p>(Không có)</p> <p>(Không có)</p> <p>(Không có)</p> | <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>i. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>j. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>k. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>l. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>m. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>n. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> | Căn cứ Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 2. | Bổ sung Điều 2 | II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY: | II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN | Căn cứ thông tin trên Giấy chứng nhận |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|---|--|
| | | <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>...</p> <p>- Tên viết tắt: DLGL</p> <p>...</p> <p>4. Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> | <p>THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>...</p> <p>- Tên viết tắt: DUC LONG GIA LAI GROUP</p> <p>....</p> <p>4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> | <p>đăng ký doanh nghiệp của Công ty, Điều 2, Điều 3 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |
| 3. | Sửa đổi Điều 3 | <p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <p>Bổ một số ngành nghề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; - Khai thác quặng kim loại quý hiếm; - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; | <p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <p>Bổ sung một số ngành nghề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây cà phê; - Trồng cây chè; - Trồng cây hồ tiêu; - Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: chế biến chè, cà phê); - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; - Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán. Xuất nhập chè, cà phê). | <p><i>Cập nhật theo ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.</i></p> |
| 4. | Sửa đổi Điều 4 | <p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: (<i>Bổ toàn bộ</i>)</p> | <p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p> | <p>Căn cứ Điều 5 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |
| 5. | Sửa đổi Điều 5 | <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:</p> <p>...</p> <p>4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ</p> | <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:</p> <p>...</p> <p>4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> | <p>Căn cứ Điều 6 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|---|---|
| | | <p>phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. 6. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p> | |
| 6. | <p>Sửa đổi Điều 6</p> | <p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 2. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. 5. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch HĐQT và các thông tin khác theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.</p> | <p>Căn cứ Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|--|
| 7. | Sửa đổi, bổ sung Điều 11 | <p>Điều 11. Quyền của cổ đông:</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>(Không có)</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>(Không có)</p> | <p>Điều 11. Quyền của cổ đông:</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty và pháp luật quy định. Mỗi cổ đông phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>Bổ sung: mục i, j, k:</p> <p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>I. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>Bổ sung Khoản 4:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời</p> | <p>Căn cứ Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---|
| | | | <p>hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 25% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 25% đến dưới 30% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 40% đến 45% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 45% đến dưới 50% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; 50% đến 55% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên; và từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> | |
| 8. | Sửa đổi bổ sung điều 12 | <p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> | <p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc phương tiện khác;</p> | Căn cứ Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---|
| | | <p>4. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>5. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; (Không có)</p> | <p>4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của riêng cá nhân đó hoặc tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> | |
| 9. | Sửa đổi, bổ sung điều 13 | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nếu xét thấy trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính Công ty chưa thể tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, thì phải có văn bản gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, nhưng thời gian gia hạn không được quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nếu xét thấy trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính Công ty chưa thể tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, thì HĐQT quyết định gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, nhưng thời gian gia hạn không được quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> | Căn cứ Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---------|
| | | <p>b. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</p> <p>e. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</p> <p>(Không có)</p> | <p><i>Bổ sung và sắp xếp lại sau khi bỏ mục b:</i></p> <p>b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> | |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|---|--|
| 10. | Sửa đổi, bổ sung điều 14 | <p>Điều 14. Quyền và nhệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> | <p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyết định thay đổi vốn điều lệ công ty;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> | <p>Căn cứ Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|---|--|--|--|
| | | <p>f. Tổng số tiền thù lao, của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; k. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; n. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>(Không có)</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> | <p>f. Tổng số tiền thù lao, thường và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; k. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; n. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>Bổ sung mục p, q, r, s: p. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; q. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> | |
| 11. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 điều 16 | <p>Điều 16. Thay đổi các quyền:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> | <p>Điều 16. Thay đổi các quyền:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản....</p> | <p>Căn cứ Điều 17 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|--|
| | | 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này | 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này | |
| 12. | Sửa đổi, bổ sung điều 17 | <p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>(Không có)</i></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười năm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>(Không có)</i></p> | <p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Bổ sung mục g:</p> <p>g. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng: phương thức bảo đảm, fax, thư điện tử, hoặc phương tiện khác, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu</p> | <p>Căn cứ Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---|
| | | | được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. | |
| 13. | Sửa đổi, bổ sung điều 18 | Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. | Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết. | Căn cứ Điều 19 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 14. | Sửa đổi, bổ sung điều 19 | Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 4. (Bỏ toàn bộ) | Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội | Căn cứ Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|--|---------|
| | | | <p>đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> | |
| | | <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>9. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>9. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> | |
| | | <p>10. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>10. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> | |
| | | <p>11. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự,</p> | |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|--|---|
| | | 12. (Bỏ toàn bộ) | biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. | |
| 15. | Sửa đổi, bổ sung điều 20 | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> | <p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> | Căn cứ Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 16. | Sửa đổi, bổ sung điều 21 | <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết</p> | <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua ngợi</p> | Căn cứ Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT- |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---------|
| | | <p>định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>4. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ</p> | <p>quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch,</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ</p> | BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---|
| | | đồng không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các vấn đề đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty , người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. 6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. | không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng ; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. 6. Biên bản kiểm phiếu và ng nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. | |
| 17. | Bổ sung điều 22 | Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. (Bỏ toàn bộ) 5. (Bỏ toàn bộ) | Điều 22. Ng nghị quyết , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty | Căn cứ Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 18. | Sửa đổi, bổ sung điều 23 | Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng | Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Ng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hoặc nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này | Căn cứ Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|--|
| | | <p>quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p> <p>có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | |
| 19. | <p>Sửa đổi, bổ sung điều 24</p> | <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.1.</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có)</p> <p>j. (Không có)</p> <p>1.2 (Bỏ toàn bộ)</p> <p>1.3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. ...</p> <p>(Không có)</p> <p>2. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> | <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.1.</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty (nếu có)</p> <p>Bổ sung mục j:</p> <p>j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>1.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>1.3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. ...</p> <p>1.4 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả</p> | <p>Căn cứ Điều 25, 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|--|
| | | <p>2.2 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2.2 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;</p> <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên</p> | |
| 20. | <p>Sửa đổi, bổ sung điều 25</p> | <p>Điều 25. Quyền hạn, nhiệm vụ, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị: 1. (Bỏ toàn bộ).</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...;</p> <p>b. ...;</p> <p>c. (Bỏ toàn bộ);</p> | <p>Điều 25. Quyền hạn, nhiệm vụ, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị: 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...;</p> <p>b. ...;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> | <p>Căn cứ Điều 27, 28 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---------|
| | | <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành;</p> <p>e.;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. (Bỏ toàn bộ);</p> <p>i.;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k.;</p> <p>l. (Bỏ toàn bộ);</p> <p>m. (Bỏ toàn bộ);</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. (Bỏ toàn bộ);</p> <p>p. (Bỏ toàn bộ);</p> <p>q. (Chưa có);</p> <p>r. (Chưa có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> | <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>e.;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>i.;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>k.;</p> <p>l. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của công ty;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong tầm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> | |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--------------------------|--|---------|
| | | c. (Bỏ toàn bộ) | c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty; | |
| | | 4. (Bỏ toàn bộ) | 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. | |
| | | 6. (Bỏ toàn bộ) | 6. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. | |
| | | 7. (Bỏ toàn bộ) | 7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. | |
| | | 8. (Bỏ toàn bộ) | 8. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. | |
| | | 10. (Chưa có) | 10. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi | |

11/11/2021

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---|
| | | 11. (Chưa có) | <p>nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | |
| 21. | Sửa đổi, bổ sung điều 26 | <p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác). Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>....</p> | Căn cứ Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 22. | Sửa đổi, bổ sung điều 27 | <p>Điều 27. Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>...</p> <p>5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;</p> | <p>Điều 27. Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>...</p> <p>5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó; trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> | Căn cứ Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|--|--|
| 23. | Sửa đổi, bổ sung điều 28 | <p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm 05 người điều hành khác;</p> <p>b. Ít nhất 02 thành viên điều hành Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT độc lập;</p> <p>...</p> <p>4. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm 05 người quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT độc lập;</p> <p>....</p> <p>Bổ sung khoản 3, khoản 4:</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng</p> | <p>Căn cứ Điều 30 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---------|
| | | <p>5. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>6. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>7. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>10. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</p> <p>Bổ sung khoản 8, khoản 9:</p> <p>8. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các</p> | |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---|
| | | | cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. | |
| | | 14. (Bỏ toàn bộ) 15. (Bỏ toàn bộ) | | |
| 24. | Sửa đổi, bổ sung điều 29 | Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. ... Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. | Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. ... Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. | Căn cứ Điều 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 25. | Sửa đổi, bổ sung điều 30 | Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty. 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... (Không có) | Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty. 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: Bổ sung mục h: h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; | Căn cứ Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 26. | Sửa đổi, bổ sung điều 31 | Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý: Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. | Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý: Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. | Căn cứ Điều 33 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---|
| 27. | Sửa đổi, bổ sung điều 32 | Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp | <p>Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung khoản 1, khoản 4</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> | Căn cứ Điều 34 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 28. | Sửa đổi, bổ sung điều 33 | <p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành:</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> | <p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành:</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> | Căn cứ Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---|
| | | <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>d. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>e. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>f. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>g. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>h. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p> | <p>c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tuyển dụng lao động. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>e. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>f. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</p> | |
| 29. | Sửa đổi, bổ sung điều 34 | <p>Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> | <p>Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 4 Điều 11 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> | Căn cứ Điều 36 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|--|
| 30. | Sửa đổi, bổ sung điều 35 | <p>Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban, theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> | <p>Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> | Căn cứ Điều 37, Điều 38 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 31. | Sửa đổi, bổ sung điều 36 | <p>Điều 36. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>(Không có)</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ,</p> | <p>Điều 36. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và</p> | Căn cứ Điều 39,40,41 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---------|
| | | <p>chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>5. (Không có)</p> | <p>kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ</p> <p>5. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp</p> | |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|---|--|
| | | | Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty. | |
| 32. | Sửa đổi, bổ sung điều 37 | <p>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty.</p> | <p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích của Công ty</p> | Căn cứ chương X Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 33. | Sửa đổi, bổ sung điều 38. | <p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối</p> | Căn cứ Điều 47 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|---------|
| | | | <p>tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>b. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>6. (Không có)</p> | |
| | | <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> | | |



| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|---|---|
| 34. | Sửa đổi, bổ sung điều 39 | <p>Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự khẩn cấp và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> | <p>Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra</p> | Căn cứ Điều 48 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 35. | Sửa đổi, bổ sung điều 40 | <p>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> | <p>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>c. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật</p> | Căn cứ Điều 49 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

190
 C
 T
 Đ
 PLE

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|--|--|
| 36. | Sửa đổi, bổ sung điều 42 | <p>Điều 42. Phân phối lợi nhuận</p> <p>2. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> | <p>Điều 42. Phân phối lợi nhuận</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết/quyết định quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> | <p>Căn cứ Điều 51 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |
| 37. | Sửa đổi, bổ sung điều 43 | <p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 43. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> | <p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p> <p>Điều 43. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> | <p>Căn cứ Điều 52 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

041
ĐNG
ĐPH
PĐC
JC LC
31A L
'KU-

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|---|---|
| 38. | Sửa đổi, bổ sung điều 44 | Điều 44. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó. | Điều 44. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó. | Căn cứ Điều 53 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 39. | Sửa đổi, bổ sung điều 45 | Điều 45. Chế độ kế toán 1. (<i>Bỏ toàn bộ</i>) | Điều 45. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận. | Căn cứ Điều 54 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 40. | Sửa đổi, bổ sung điều 46 | XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. (<i>Bỏ toàn bộ</i>) ... 4. (<i>Bỏ toàn bộ</i>) 5. (<i>Bỏ toàn bộ</i>) | XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN. Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. | Căn cứ Điều 55 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 41. | Sửa đổi, bổ sung điều 48 | Điều 48. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài | Điều 48. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập theo tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa | Căn cứ Điều 57 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

58
TY
AN
ONG
AI
T.GI

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|--|---|--|
| | | <p>chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p> | <p>trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> | |
| 42. | Sửa đổi, bổ sung điều 49 | <p>Điều 49. Con dấu</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>...</p> <p>3. (Chưa có)</p> | <p>Điều 49. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>....</p> <p>3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> | <p>Căn cứ Điều 58 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |
| 43. | Sửa đổi, bổ sung điều 50 | <p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> | <p>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 50. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> | <p>Căn cứ Điều 59 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------|---|--|---|
| 44. | Sửa đổi, bổ sung điều 52 | <p>Điều 52. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, ...</p> <p>...</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Thuế và các khoản nợ cho Nhà nước;</p> <p>d. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p> <p>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p> | <p>Điều 52. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, ...</p> <p>...</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p> | Căn cứ Điều 61 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 45. | Sửa đổi, bổ sung điều 53 | <p>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay người điều hành cao cấp.</p> <p>..... Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> | <p>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý khác.</p> <p>.... Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để làm trung tâm hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.</p> | Căn cứ Điều 62 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |
| 46. | Sửa đổi, bổ sung điều 55 | <p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nhất trí thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2020 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p> | <p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nhất trí thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2021 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | Căn cứ ngày ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi điều lệ và Điều 64 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC |

| S T T | Nội dung cần sửa đổi, bổ sung | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-------------|---|---|--|---|
| 47. | Thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Điều lệ. | Thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Điều lệ trước khi sửa đổi. | <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng. - Điều lệ mới cũng có sửa đổi một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa). | Sửa đổi . cho phù hợp với thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Điều lệ sửa đổi. |

Những nội dung khác trong Điều lệ hiện hành của Công ty không thay đổi.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông;
- Lưu.



Bùi Pháp



DUCLONG GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 19 tháng 6 năm 2021

Số: 07 /TTr-ĐHĐCĐ2021

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi tên Công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Biên bản họp số 04/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 26/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai về việc bàn các nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Để phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư cũng như việc mở rộng quan hệ của Công ty trong giai đoạn mới,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc thay đổi tên công ty như sau:

1. Thay đổi tên Công ty:

a. Tên hiện nay:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**
- Tên tiếng Anh: Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Đức Long Gia Lai
- Tên viết tắt: DLGL

b. Nay đổi tên:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long**
- Tên tiếng Anh: Duc Long Group JSC
- Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long
- Tên viết tắt: Đức Long Group



2. Các thông tin khác của Công ty vẫn giữ nguyên như hiện tại.
3. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp trong năm 2021 để thực hiện thay đổi tên Công ty.
4. Ủy quyền cho HĐQT sửa đổi tên của Công ty (bao gồm: Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên giao dịch, tên viết tắt) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại điểm b khoản 1 Điều này cho phù hợp và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất trong trường hợp tên đã thông qua trùng lặp với tên các doanh nghiệp khác hoặc vì lý do khác, không được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận.
5. Ủy quyền cho HĐQT tiến hành các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh và các thủ tục cần thiết khác liên quan đến việc thay đổi này theo quy định của pháp luật.
6. Ủy quyền cho HĐQT chỉnh sửa các mục và điều khoản trong Điều lệ của Công ty theo tên mới.
7. Ủy quyền cho HĐQT và Ban điều hành Công ty thay đổi tên mới của Công ty tại các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ có liên quan đến các hoạt động của Công ty trước đây nay vẫn còn giá trị (nếu các cơ quan chức năng, đối tác có yêu cầu thay đổi tên mới), thông báo cho các đối tác, khách hàng, nhà đầu tư biết tên mới của Công ty để tiện quan hệ, giao dịch.

Trường hợp việc thay đổi tên gặp phải vướng mắc, không thay đổi được hoặc việc thay đổi tên mới các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ đang trong quá trình thực hiện (kể cả các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ đang thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông này) thì tên cũ của Công ty tại các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ này vẫn được giữ nguyên giá trị áp dụng.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua ./.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Pháp



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
 SĐT: (84-269) 3748 367 – Fax: (84-269) 3747 366



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Ngày 19 tháng 6 năm 2021)
PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền:
 Số ĐKSH:
 Số cổ phần được biểu quyết:.....
 Trong đó: - Số cổ phần thuộc quyền sở hữu.....
 - Số cổ phần được ủy quyền:.....

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

Cổ đông đánh dấu V vào các nội dung tương ứng dưới đây:

| STT | NỘI DUNG BIỂU QUYẾT | Đồng ý | Không đồng ý | Không ý kiến |
|-----|---|--------|--------------|--------------|
| 1. | Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn các năm 2021-2023 và chiến lược 10 năm 2021-2030 | | | |
| 2. | Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch SXKD 2021 của Ban Tổng giám đốc | | | |
| 3. | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, báo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên | | | |
| 4. | Tờ trình về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, và thông qua Quy chế hoạt động HĐQT, BKS, Quy chế tổ chức ĐHCĐ, Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty | | | |
| 5. | Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2021 | | | |
| 6. | Tờ trình về việc thông qua tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2015 | | | |
| 7. | Tờ trình về việc thù lao, chi phí của HĐQT, BKS và tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2020, kế hoạch thù lao và chi phí cho HĐQT, BKS Công ty năm 2021 | | | |
| 8. | Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021 | | | |
| 9. | Tờ trình về việc ủy quyền HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông | | | |
| 10. | Tờ trình về việc thay đổi tên Công ty | | | |
| 11. | Tờ trình về việc thông qua số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ, miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 | | | |

CỔ ĐÔNG
(Ký tên)



DUCLONG GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 19 tháng 6 năm 2021

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐTN2021

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT

Về các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Tập đoàn ĐLGL số 01/BB-ĐHĐCĐTN2021 ngày 19 tháng 6 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo sau đây:

1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn các năm 2021-2023 và chiến lược 10 năm 2021-2030.

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021:

| CHỈ TIÊU | 2021 | 2022 | 2023 |
|----------------------|-------|-------|-------|
| - Doanh thu thuần | 2.000 | 2.500 | 3.000 |
| - Lợi nhuận sau thuế | 50 | 60 | 75 |

1.2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Hợp nhất |
|-----|----------------------|---------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | Đồng | 2.034.491.502.664 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | (861.262.526.806) |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (929.777.523.426) |
| 4 | Lãi cơ bản trên CP | Đồng/CP | (3.029) |



1.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, báo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Điều 2. Thông qua việc bổ sung, sửa đổi, ban hành một số nội dung. Cụ thể như sau:

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty

2.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị

2.3. Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT. Quy chế này thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT đã ban hành tháng 6 năm 2019

2.4. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Quy chế này thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành tháng 6 năm 2019

2.5. Ban hành Quy chế tổ chức ĐHQĐ của Công ty

2.6. Ban hành Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật, ban hành Điều lệ, các Quy chế của Công ty và công bố thông tin theo quy định.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phân phối lợi nhuận và kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2021

3.1. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website <http://www.duclonggroup.com/> của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Riêng lẻ (công ty mẹ) | Hợp nhất |
|-----|----------------------|---------|--------------------------|-------------------|
| 1 | Tổng tài sản | Đồng | 4.273.962.568.884 | 8.230.568.746.380 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | Đồng | 1.934.566.048.566 | 2.506.555.000.343 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 311.504.257.903 | 2.034.491.502.664 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | (1.044.755.169.532) | (861.262.526.806) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (1.044.755.169.532) | (929.777.523.426) |
| 6 | Lãi cơ bản trên CP | Đồng/CP | - | (3.029) |

3.2. Trên cơ sở kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2020.

3.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

// LE / C / Đ / C / C / C / S / S

- Doanh thu thuần: 2.000 tỷ đồng;

- Lợi nhuận sau thuế: 50 tỷ đồng;

Điều 4. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi cho CTCP Quản lý quỹ Thăng Long (thời điểm phát hành 4/2015) được thuyết minh chi tiết trong báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán xác nhận.

Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VN đồng

| STT | Dự án | Số tiền vốn đã huy động từ đợt phát hành | Số tiền đã sử dụng từ đợt phát hành | Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành | Ghi chú |
|------------------|--|--|-------------------------------------|---|---|
| 1 | Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | 0 | - |
| 1.1 | Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt | 117.821.056.733 | 117.821.056.733 | 0 | - |
| 1.2 | Bổ sung vốn lưu động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh | 182.178.943.267 | 182.178.943.267 | 0 | Điều chỉnh theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019 và NQ ĐHCĐ thường niên năm 2020. |
| 2 | Dự án thủy điện và năng lượng | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 | 0 | - |
| 3 | Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 | 0 | - |
| Tổng cộng | | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 | 0 | - |

Như vậy, Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 500.000.000.000 đồng theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHCĐ thông qua.

Điều 5. Thông qua thù lao, chi phí cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2020 và kế hoạch thù lao, chi phí cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021, cụ thể như sau:

5.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2020:

a. Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

b. Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:

- Trưởng Ban Kiểm soát: 10.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Ban Kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

Trong năm 2020 do Công ty không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận nên các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tự nguyện không nhận thù lao.

c. Mức tiền lương của Ban Tổng Giám đốc:

Tổng tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2020: 753.593.162 đồng.

(Được thể hiện trên thuyết minh số 39.c của Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020 đã được kiểm toán)

5.2. Kế hoạch thù lao và chi phí năm 2021:

a. Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

b. Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát :

- Trưởng Ban Kiểm soát: 10.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Ban Kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

c. Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và sẽ được thưởng:

- 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch;
- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021:

Để đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán và nguyên tắc minh bạch, công khai của Báo cáo tài chính Công ty. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 như sau:

6.1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có chức năng theo quy định của pháp luật và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết.
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán.
- Đã có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết tại Việt Nam, và các doanh nghiệp có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự như Công ty.
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Có uy tín chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

6.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đáp ứng đủ tiêu chí nêu trên với chi phí phù hợp nhất.

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương, chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của Nhà nước, cũng như thực trạng tài chính của Công ty và các công ty thành viên, nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung như sau:

7.1. Chủ động điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 phù hợp với diễn biến của thị trường và quy định của pháp luật;

7.2. Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện thủ tục thay đổi nội dung hoạt động trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh được bổ sung;

7.3. Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

7.4. Quyết định việc phát hành trái phiếu riêng lẻ/chuyển đổi; phương án thay đổi vốn điều lệ và phương án chào bán cổ phiếu;

7.5. Quyết định việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

7.6. Quyết định đầu tư, góp vốn hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

7.7. Quyết định các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Công ty với đối tượng và người có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp hiện hành số 59/2020/QH14;

7.8. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp hiện hành số 59/2020/QH14;

7.9. Giao dịch với các bên có liên quan: Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Đây là các giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm cũng như công nợ phát sinh. Các giao dịch này diễn ra thường xuyên và là hoạt động bình thường của Công ty;

7.10. Quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên (nếu phát sinh) tại Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất

Điều 8. Thông qua thay đổi tên Công ty như sau:

8.1. Thay đổi tên Công ty:

a. Tên hiện nay:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**
- Tên tiếng Anh: Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Đức Long Gia Lai
- Tên viết tắt: DLGL

b. Nay đổi tên:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long**
- Tên tiếng Anh: Duc Long Group JSC
- Tên giao dịch: Tập đoàn Đức Long
- Tên viết tắt: Đức Long Group

8.2. Các thông tin khác của Công ty vẫn giữ nguyên như hiện tại.

8.3. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp trong năm 2021 để thực hiện thay đổi tên Công ty.

8.4. Ủy quyền cho HĐQT sửa đổi tên của Công ty (bao gồm: Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên giao dịch, tên viết tắt) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại điểm b khoản 8.1 Điều này cho phù hợp và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất trong trường hợp tên đã thông qua trùng lặp với tên các doanh nghiệp khác hoặc vì lý do khác, không được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận.

8.5. Ủy quyền cho HĐQT tiến hành các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh và các thủ tục cần thiết khác liên quan đến việc thay đổi này theo quy định của pháp luật.

8.6. Ủy quyền cho HĐQT chỉnh sửa các mục và điều khoản trong Điều lệ của Công ty theo tên mới.

8.7. Ủy quyền cho HĐQT và Ban điều hành Công ty thay đổi tên mới của Công ty tại các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ có liên quan đến các hoạt động của Công ty trước đây nay vẫn còn giá trị (nếu các cơ quan chức năng, đối tác có yêu cầu thay đổi tên mới), thông báo cho các đối tác, khách hàng, nhà đầu tư biết tên mới của Công ty để tiện quan hệ, giao dịch.

Trường hợp việc thay đổi tên gặp phải vướng mắc, không thay đổi được hoặc việc thay đổi tên mới các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ đang trong quá trình thực hiện (kể cả các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ đang thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông này) thì tên cũ của Công ty tại các hồ sơ, thủ tục, văn bản, giấy tờ này vẫn được giữ nguyên giá trị áp dụng

Điều 9. Thông qua số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ, miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022, cụ thể như sau:

Để phù hợp với tình hình thực tế, thuận tiện trong công tác quản lý công ty và nâng cao hiệu quả trong hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua:

9.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017-2022 là: 05 thành viên

9.2. Miễn nhiệm tư cách 02 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn từ nhiệm, cụ thể như sau:

- Ông JaeGyun Kim (Có đơn từ nhiệm đính kèm)
- Ông Nguyễn Hồng Sơn (Có đơn từ nhiệm đính kèm)

9.3. Như vậy, kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 bao gồm:

- Ông Bùi Pháp - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Trần Cao Châu - Thành viên HĐQT;
- Ông Lê Đức Kỳ - Thành viên độc lập HĐQT;
- Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên độc lập HĐQT;

- Ông Paul Anthony Murphy - Thành viên HĐQT;

Điều 10. Tổ chức thực hiện:

10.1. HĐQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, xây dựng kế hoạch chủ động tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

10.2. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- VPTĐ;
- Ban QHNDT;
- Lưu: VT + HSDHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Bùi Pháp

